

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 91/2024/DS - ST

Ngày: 27/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Hoàng

2. Bà Phan Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 163/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2024/QĐST - DS ngày 25 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Minh S, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện hợp pháp: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2024 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Bùi Thị L trình bày:

Ông Võ Minh S là anh họ của ông Nguyễn Thanh T, ông S và ông Trần Thanh P1 có quan hệ quen biết với nhau. Quá trình quen biết, ông S có cho ông P1 vay tiền để làm ăn. Do ông S bận công việc nên ông đã giao tiền cho ông T nhờ ông T đứng tên hộ cho mượn tiền và làm giấy cho mượn tiền. Vì vậy, ông Nguyễn Thanh T1 đã đứng tên cho ông Trần Thanh P vay tiền tại giấy mượn tiền ngày 19/4/2024, theo

đó, ông Trần Thanh P vay của ông Nguyễn Thanh T2 số tiền 300.000.000 đồng để ông P làm ăn, không lãi suất, khi nào ông S cần tiền thì ông P sẽ trả. Giấy mượn tiền có chữ ký của ông P và sự xác nhận của gia đình ông P, cha là ông Trần P2, mẹ là bà Nguyễn Thị Kim H, em trai là ông Trần Quang T3.

Sau khi ký kết giấy mượn tiền trên, vào ngày 25/4/2024, ông T2 và ông S đã lập giấy xác nhận với nội dung: Nguyễn Thanh T chỉ là người đứng tên hộ cho ông S để cho ông Trần Thanh P vay số tiền của ông S 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền giữa ông Nguyễn Thanh T và ông Trần Thanh P ngày 19/4/2024. Mọi quyền lợi và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T trong Giấy mượn tiền trên chính là quyền lợi và nghĩa vụ của ông S, còn ông Nguyễn Thanh T không có quyền và nghĩa vụ gì trong Giấy mượn tiền trên. Ông S và ông T đã ký vào giấy xác nhận này và ông T đã giao cho ông S giữ bản chính Giấy mượn tiền trên.

Đến đầu tháng 5/2024, vì gia đình gặp khó khăn nên ông S báo cho ông P trả nợ nhưng ông P không trả. Cho đến nay mặc dù ông S đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông P vẫn cố tình không chịu trả khoản tiền vay này làm ảnh hưởng lớn đến quyền lợi hợp pháp của ông S.

Ông Võ Minh S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Thanh P trả cho ông 300.000.000 đồng tiền gốc. Về tiền lãi ông S không yêu cầu.

Ngày 30/8/2024 và tại phiên tòa, ông Võ Minh S rút một phần yêu cầu khởi kiện: Đối với số tiền 60.000.000 đồng, buộc ông P trả cho ông S 240.000.000 đồng tiền gốc.

Tại phiên tòa ông S khẳng định việc ông P khai ông S cho vay tiền lãi suất 6% và 9%/ tháng là không đúng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh P3 trình bày:

Ông và ông Võ Minh S làm cùng công ty nên quen biết nhau. Vào năm 2019, ông có vay ông S nhiều lần tiền, tổng cộng là 240.000.000 đồng. Trong đó: Ông S cho ông vay 220.000.000 đồng lãi suất 6%/ tháng, 20.000.000 đồng lãi suất 9%/ tháng. Ông đã trả lãi cho ông S hàng tháng thông qua chuyển khoản, mỗi lần chuyển khoản ông không ghi rõ nội dung chuyển tiền. Ông không nhớ đã trả cho ông S bao nhiêu tiền lãi. Đến tháng 4/2024, ông Nguyễn Thanh T cùng 04 đến 05 thanh niên ông không quen biết đến nhà ông, yêu cầu ông viết giấy nợ 300.000.000 đồng. Do lo sợ bị đánh nên ông đã viết và ký vào giấy mượn tiền 300.000.000 đồng cho ông T. Tuy Giấy mượn tiền đứng tên ông Nguyễn Thanh T nhưng thực tế ông không vay tiền của ông T mà ông chỉ vay tiền ông Võ Minh S. Nay ông thừa nhận còn nợ ông Võ Minh S 240.000.000 đồng tiền gốc. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn ông không có khả năng trả ngay một lần, ông xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Về tiền lãi đã trả cho ông S: Ông không nhớ và không tranh chấp đối với số tiền lãi đã trả cho ông S.

Tại bản tự khai ngày 10/8/2024, ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông là em họ của ông Võ Minh S, giữa ông và ông Trần Thanh P có quan hệ quen biết với nhau. Quá trình quen biết, ông S có cho ông Trần Thanh P mượn tiền

để làm ăn. Do ông S bận công việc nên ông S đã giao tiền cho ông T, để nhờ ông T đứng tên hộ cho mượn tiền và làm giấy cho mượn tiền. Do đó, vào ngày 19/4/2024, ông đã đứng tên cho ông Trần Thanh P mượn tiền theo Giấy mượn tiền ngày 19/4/2024. Nội dung Giấy mượn tiền là: ông Trần Thanh P mượn của ông 300.000.000 đồng, để ông P làm ăn, không lãi suất, khi nào ông S cần tiền thì ông P sẽ trả. Giấy mượn tiền có chữ ký của ông P và sự xác nhận của cha ông P là ông Trần P2, mẹ ông P là bà Nguyễn Thị Kim H, và em trai ông P là ông Trần Quang T3.

Đến ngày 25/4/2024, ông và ông S làm Giấy xác nhận với nội dung: Ông chỉ là người đứng tên hộ cho ông S để cho ông Trần Thanh P mượn số tiền của ông S là 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền giữa ông và ông Trần Thanh P ngày 19/4/2024. Mọi quyền lợi và nghĩa vụ của ông trong Giấy mượn tiền chính là quyền lợi và nghĩa vụ của ông S, ông không có quyền và nghĩa vụ gì trong Giấy mượn tiền. Ông cùng ông S đã ký vào giấy xác nhận này và ông đã giao bản chính Giấy mượn tiền trên cho ông S.

Sau đó, ông S có đòi nợ nhưng ông P không trả, cho đến nay ông P cũng không trả cho ông khoản tiền nào để ông giao lại cho ông S.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, ông là thống nhất và không tranh chấp gì trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa giải quyết buộc bị đơn phải trả lại số tiền đã vay, đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số tiền vay:

Nguyên đơn cung cấp Giấy mượn tiền ngày 19/4/2024, thể hiện ông Trần Thanh P vay của ông Nguyễn Thanh T số tiền 300.000.000 đồng, có chữ ký của ông Trần Thanh P và Giấy xác nhận ngày 15/6/2024 của ông Võ Minh S và ông Nguyễn Thanh T, xác nhận số tiền 300.000.000 đồng tại Giấy mượn tiền ngày 19/4/2024 là của ông Võ Minh S. Bị đơn ông Trần Thanh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T thừa nhận ông Trần Thanh T4 chỉ là người đứng tên cho vay tại Giấy mượn tiền ngày 19/4/2024, còn tiền cho vay là của ông Võ Minh S. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận tại Giấy mượn tiền thể hiện nội dung ông Trần Thanh P vay tiền ông Nguyễn Thanh T nhưng thực tế ông Võ Minh S là người cho vay tiền, còn người vay tiền là ông Trần Thanh P. Do

đó, việc ông Võ Minh S cho ông Trần Thanh P vay tiền là có thật. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 240.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền này.

Xét: Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền, khi cần tiền nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết số nợ 240.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[2.2] Về việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả 60.000.000 đồng trên tổng số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn.

[2.3] Về tiền lãi:

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên không xét.

Bị đơn cho rằng nguyên đơn cho bị đơn vay tiền có lãi suất, thỏa thuận lãi suất 6% và 9%/ tháng nhưng nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh và bị đơn cũng không yêu cầu giải quyết số tiền lãi đã trả cho nguyên đơn nên không xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Thanh P phải trả cho ông Võ Minh S số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả 60.000.000 đồng trên tổng số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Ông Trần Thanh P phải nộp 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- H1 lại cho ông Võ Minh S 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004819 ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh.

4. Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND Tp. Cam Ranh;
- THADS Tp. Cam Ranh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Vân